

Bản án số: 20/2017/HSST
Ngày: 05/4/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Giàu (Đoàn Thanh niên)

Ông Trịnh Ngọc Hồng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Hoàng Út- Thư ký tòa án nhân dân thành phố P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2017 tại Trụ sở Công an xã SD (Ủy ban nhân dân xã SD cũ), thành phố P, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2017/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2017 đối với bị cáo:

VÕ THÁI D, sinh năm: 1987 tại tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: khu phố N, Phường M, thành phố P, tỉnh Bến Tre;

Nghề nghiệp: làm thuê;

Trình độ văn hoá: 8/12;

Con ông Võ Văn C, sinh năm: 1959 và bà Mai Thị L, sinh năm: 1963;

Vợ: Võ Thị Minh T, sinh năm: 1992;

Có 01 người con sinh năm 2013;

Tiền án: Tại Bản án số 18/2014/HSPT ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự;

Tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ ngày 23/9/2016;

Tạm giam ngày 26/9/2016. (Có mặt)

* Người bị hại:

- Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày: 15/10/1986;

Nơi cư trú: ấp K, xã H, thành phố P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Trần Thị Kim P, sinh ngày: 11/4/1986;

Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Lê Võ Thùy R, sinh ngày: 02/9/2001;

Nơi cư trú: khu phố 1, Phường X, thành phố P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại R:

Võ Thị D, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: khu phố 1, Phường X, thành phố P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Võ Thái A, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: khu phố 2, Phường X, thành phố P, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/9/2016 đến 22/9/2016, trên địa bàn huyện G và thành phố P, tỉnh Bến Tre, D đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản của những người tham gia giao thông trên đường, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 08/9/2016, D mượn xe mô tô BKS 71B2 - 622.89 của A (em ruột của D) nói dối đi công chuyện. D chạy xe trên đường tỉnh 885 hướng từ thành phố P về huyện G, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực ấp N, xã M, huyện G, D phát hiện phía trước cùng chiều có anh T đang chạy xe mô tô BKS 71F9-8054 chở sau chị P; giữa hai người có để 01 ba lô màu vàng, bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắng, 03 cuốn sách dạy tiếng Hàn Quốc, 02 mắt kính, 02 quyển sổ, 01 thẻ học viên, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên P, 10 bút bi, 01 đôi găng tay nữ, 01 cây son môi, 01 cây kem trang điểm, 01 chai nước hoa và tiền Việt Nam 250.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, D điều khiển cho xe chạy vượt lên, áp sát vào bên phải xe của anh T đang chạy và dùng tay trái giật lấy ba lô của chị P rồi tăng ga xe tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, Dương lục ba lô lấy tiền và điện thoại di động cất giữ rồi còn ba lô và sổ tài sản còn lại D vứt bỏ bên đường, sau đó người dân nhặt được giao nộp lại cho cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ được:

- 03 quyển sách dạy tiếng Hàn Quốc; 01 quyển sổ; 01 mắt kính; 09 bút bi;
- 01 thẻ học viên; 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên P;
- 01 ba lô màu vàng;
- 01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắng (do bà Z - mẹ bị cáo D giao nộp).

Theo các Biên bản định giá ngày 28/9/2016 và 30/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện G xác định: 01 ba lô màu vàng giá 20.000 đồng, 01 điện

thoại di động hiệu honor giá 1.500.000 đồng, 03 quyển sách giá 120.000 đồng, 02 đôi mắt kính giá 500.000 đồng, 01 đôi găng tay giá 25.000 đồng, 10 bút bi giá 40.000 đồng, 01 cây son môi giá 150.000 đồng, 01 cây kem trang điểm giá 200.000 đồng, 01 chai nước hoa giá 70.000 đồng và 02 quyển sổ giá 38.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt của bị hại P là: 2.913.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 22/9/2016, D một mình điều khiển xe mô tô BKS 71B2-622.89 chạy trên đường Q hướng từ ngã tư Đ về ngã ba H. Khi đến đoạn thuộc khu phố 2, phường X, thành phố P thì phát hiện anh B đang chạy xe mô tô BKS 29Y5-023.13 cùng chiều phía trước, chờ sau chị Y; giữa hai người có để 01 cặp xách màu đen, bên trong có: tiền Việt Nam 4.000.000 đồng, 01 cục pin sạc dự phòng điện thoại di động, 01 bịch khăn giấy ướt, 01 thẻ ATM mang tên L, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM mang tên Y, 01 quyển sổ, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 29Y5-023.13 và một số giấy tờ cá nhân khác. Thấy vậy, D liền cho xe chạy vượt lên áp sát bên phải xe của anh B đang chạy và dùng tay trái giật lấy cặp xách của chị Y rồi tăng ga xe bỏ chạy. Khi chạy đến khu vực lộ T thì D dừng xe lại, lục cặp lấy tiền, cục sạc pin, bịch khăn giấy ướt và 01 túi vải bên trong đựng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, thẻ ATM và các giấy tờ cá nhân của chị Y. Còn cặp xách và các tài liệu khác vứt bỏ ở khu vực thuộc ấp X, xã H. Sau đó, người dân nhặt được giao cho cơ quan Công an xử lý.

Vật chứng thu giữ được gồm:

- 01 cặp xách màu đen; 01 tập tài liệu của Sở C và UBND tỉnh V, 01 tập tài liệu của Phòng giáo dục và UBND huyện C và thành phố P, tỉnh Bến Tre.
- 01 sổ tay nhỏ, và 01 bóp nhỏ;
- Tiền Việt Nam 3.907.500 đồng (do bị cáo D giao nộp).
- 01 túi vải bên trong có: 01 giấy đăng ký xe BKS: 29Y5-023.13; 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Y; 01 thẻ ATM mang tên B, 01 phiếu thu tiền và 02 phiếu nộp tiền mang tên Y.

Theo bản Kết luận định giá trị tài sản số 1263/KL-HĐĐG ngày 16/11/2016 của Hội đồng định giá Thành phố P xác định: Cặp xách màu đen giá 90.000 đồng, Pin sạc dự phòng giá 150.000 đồng, 01 bịch khăn giấy ướt giá 9.000 đồng, 01 bóp nhỏ giá 8.000 đồng và 01 quyển sổ tay giá 10.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt của bị hại Y là: 4.267.000 đồng.

Vụ thứ ba: Sau khi thực hiện vụ thứ hai, trên đường chạy xe về nhà khi đến khu phố 1, phường X, thành phố P lúc này khoảng 15 giờ 20 ngày 22/9/2016, D nhìn thấy em R (sinh ngày: 02/9/2001) đang chạy xe đạp cùng chiều phía trước trên giỏ xe đạp phía trước có để ba lô bên trong có 01 bóp viết, 01 quyển sách giáo khoa, 01 quyển sách tiếng anh phô tô, 02 quyển tập 100 trang, 01 quyển tập 96 trang và 10.000 đồng. Ngay lập tức, D cho xe chạy vượt lên bên phải và dùng tay

giật lấy ba lô của em R rồi tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát D lục bên trong ba lô nhưng không thấy có tiền nên đã vứt bỏ toàn bộ ba lô bên đường, người dân nhặt được giao cho cơ quan Công an. Sau đó, hành vi của D bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ được:

- 01 Ba lô màu kem; 01 bóp viết màu đỏ, 01 quyển sách giáo khoa giáo dục quốc phòng, 01 quyển sách tiếng Anh phổ thông, 02 quyển tập 100 trang, 01 quyển tập 96 trang.

Theo bản Kết luận định giá số 1263/KL-HĐĐG ngày 16/11/2016 của Hội đồng định giá Thành phố Bến Tre xác định: 01 ba lô vải giá 30.000 đồng, 02 quyển tập 100 trang giá 5.000 đồng, 01 quyển tập 96 trang giá 2.000 đồng, 02 quyển sách giá 7.000 đồng, 01 bóp viết giá 10.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt của bị hại R là: 64.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 14/KSĐT-KT ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo D về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g, h khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo D từ 05 đến 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản nhận dạng, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/9/2016 đến ngày 22/9/2016, D đã nhiều lần sử dụng xe mô tô lưu thông trên đường thuộc địa bàn phường P, Phường 8, thành phố P và M, huyện G để giật tài sản của người đi đường, cụ thể như sau:

- Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 08/9/2016, trên đường tỉnh 885 thuộc ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre, D giật của người bị hại P 01 ba lô màu vàng, bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắng, 03 cuốn sách dạy tiếng Hàn Quốc, 02 mắt kính, 02 quyển sổ, 01 thẻ học viên, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên P, 10 bút bi, 01 đôi găng tay nữ, 01 cây son môi, 01 cây kem trang điểm, 01 chai nước hoa và tiền Việt Nam 250.000 đồng.

- Khoảng 15 giờ ngày 22/9/2016, trên đường N đoạn thuộc khu phố 2, phường K, thành phố P, tỉnh Bến Tre, D giật của người bị hại Y 01 cặp xách màu đen, bên trong có: tiền Việt Nam 4.000.000 đồng, 01 cục pin sạc dự phòng điện thoại di động, 01 bịch khăn giấy ướt, 01 thẻ ATM mang tên Q, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM mang tên Y, 01 quyển sổ, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 29Y5-023.13 và một số giấy tờ cá nhân khác.

- Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 22/9/2016, sau khi giật được tài sản của chị Y và đang trên đường về nhà, đến khu vực thuộc khu phố 1, Phường X, thành phố P, D giật của người bị hại R 01 ba lô bên trong có 01 bóp viết, 01 quyển sách giáo khoa, 01 quyển sách tiếng anh phô tô, 02 quyển tập 100 trang, 01 quyển tập 96 trang và 10.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản D chiếm đoạt của những người bị hại theo định giá là 7.244.500 đồng.

Bị cáo D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã nhiều lần sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông cố ý giật lấy tài sản của những người bị hại đang điều khiển xe lưu thông cùng chiều một cách công khai rồi nhanh chóng tẩu thoát, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặc khác, bị cáo đã bị Tòa án kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Vì vậy, cáo trạng số 14 ngày 22/02/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo D phạm tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "tái phạm nguy hiểm" và "dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song xuất phát từ bản tính tham lam, chây lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã lợi sơ hở của những người bị hại để bất ngờ giật lấy tài sản của họ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình, phẫn nộ trong Nhân dân nên cần trừng trị nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội cướp giật tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý; Bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của những người bị hại, trong đó có người bị hại R là trẻ em. Điều đó đã minh chứng rằng, bị cáo là đối tượng không biết ăn năn hối cải, khó cải tạo giáo dục nên cần nghiêm trị theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; Tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn nên có chiều cố xem xét giảm nhẹ mức án đối với bị cáo.

Về phân trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn điều tra:

- Người bị hại P đã nhận lại 01 ba lô màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắng, 03 cuốn sách dạy tiếng Hàn Quốc, 01 mắt kính, 01 quyển sổ, 01 thẻ học viên, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên P và 09 bút bi, đồng thời không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị các tài sản không thu hồi được cũng như không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

- Người bị hại Y đã nhận lại 01 cặp xách màu đen; 01 tập tài liệu của Sở giáo dục và UBND tỉnh Bến Tre; 01 tập tài liệu của Phòng giáo dục và UBND huyện Châu Thành và thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre 01 sổ tay nhỏ; 01 bóp nhỏ; 3.907.500 đồng; 01 túi vải bên trong có: 01 giấy đăng ký xe BKS: 29Y5-023.13; 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Y; 01 thẻ ATM mang tên Q, 01 phiếu thu tiền và 02 phiếu nộp tiền mang tên Y, đồng thời không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị các tài sản không thu hồi được cũng như không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

- Người bị hại R đã nhận lại 01 ba lô; 01 bóp viết; 01 quyển sách giáo khoa; 01 quyển sách tiếng anh phổ thông; 02 quyển tập 100 trang; 01 quyển tập 96 trang, đồng thời không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000 đồng không thu hồi được cũng như không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Về phần biện pháp tư pháp:

Bị cáo đã thu lợi từ việc chiếm đoạt tài sản của người bị hại P là 250.000 đồng và của người bị hại Y là 92.500 đồng nhưng những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét thấy, đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

Đối với V khi cho bị cáo D mượn xe mô tô BKS 71B2-622.89, không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo D phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Võ Thái D phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g, h khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Thái D 05 (năm) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2016.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Võ Thái D nộp 342.500 (ba trăm, bốn mươi hai ngàn, năm trăm) đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Võ Thái D phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT (1b);
- VKSND thành phố P (1b);
- Công an thành phố P (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố P (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh P (1b);
- UBND Phường X (1b);
- NTGTT (6b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều